PHỤ LỤC II

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG[1]

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND PHƯỜNG VIỆT HƯNG

TRƯỜNG TH ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN[2]
Năm: 2024

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính[15]

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

2. Kết quả thu chi hoạt động[16]

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	**TỔNG THU HOẠT ĐỘNG**	**13,223,971,135**	**11,823,950,000**
I	**Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư**	8,688,900,000	7,314,200,000
II	**Thu giáo dục và đào tạo**	4,535,071,135	4,509,750,039
1	Học phí, lệ phí từ người học		
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	4,535,071,135	4,509,750,039
III	**Thu khoa học và công nghệ**		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	**Thu khác (thu nhập ròng)**		
B	**TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG**	**13,210,681,949**	**11,805,437,734**

I	**Chi lương, thu nhập**	**10,767,023,184**	**9,784,550,283**
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	10,767,023,184	9,784,550,283
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	**Chi cơ sở vật chất và dịch vụ**	**2,443,658,765**	**2,020,887,057**
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	2,443,658,765	2,020,887,057
III	**Chi hỗ trợ người học**		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	**Chi khác**		
C	**CHÊNH LỆCH THU CHI**	13,289,186	18,512,660

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hằng Nga